

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **118/2026/HC-PT**

Ngày: 27/3 /2026

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường

ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Ngô Ý Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 237/2025/TLPT-HC ngày 17 tháng 11 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 117/2025/HCST ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 478A/2026/QĐ-PT ngày 13/3/2026, giữa:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (Trước đây là thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Hồ Thị Ngọc Q, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (Trước đây là thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Hồng P, Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm T2, tỉnh Đắk Lắk;

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đắk Lắk (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên và Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc K, Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã T; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc K, Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã T; có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực T, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Phú Yên).

3. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1945; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (Trước đây là thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên).

4. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1949; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (Trước đây là thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên).

5. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn G, xã T, tỉnh Đắk Lắk (Trước đây là thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên).

6. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (Trước đây là thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên).

Đều vắng mặt.

Theo đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung của vụ án được tóm tắt theo bản án sơ thẩm như sau:

Phía người khởi kiện trình bày: Năm 1942, cha của bà T là ông Nguyễn P2 và mẹ là bà Văn Thị L mua đất của ông Ngô Lục V diện tích 2.000m², vị trí thửa đất hiện nay là thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk). Từ lúc mua đất, gia đình bà T sử dụng thửa đất này để trồng trọt và có khai hoang thêm.

Năm 1944, cha của bà T hoạt động cách mạng bị lộ nên thoát ly gia đình lên chiến khu tham gia cách mạng, đến năm 1974 cha bà T hi sinh, còn mẹ bà T và bà T cũng tham gia cách mạng tại địa phương, sau đó mẹ bà T bị địch bắt tù đầy nhưng gia đình bà T vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng, canh tác trồng lúa và hoa màu trên diện tích đất này.

Đến năm 1987, nhà nước xin cho xây dựng nhà văn hóa trên thửa đất của gia đình bà T. Chấp hành chủ trương, chính sách của Đ và Nhà nước gia đình bà T chấp nhận, không phản đối hay có yêu cầu gì; gia đình bà T đã hiến một phần đất, diện tích còn lại khoảng 432m² gia đình bà T vẫn sử dụng, từ trước tới nay

không có một văn bản hay giấy tờ gì thể hiện việc Nhà nước thu hồi đất hay lấy lại phần đất này của gia đình bà. Gia đình bà T vẫn sử dụng trồng trọt và trồng cỏ trên diện tích đất này.

Sau khi mẹ bà T chết thì đất này do bà T toàn quyền quản lý, sử dụng. Bà T vẫn tiếp tục canh tác, nhưng do cuộc sống lúc đó quá vất vả, trồng trọt không đủ kinh tế để nuôi con ăn học bà T phải đi làm ăn xa nên có cho lần lượt các ông, bà Đỗ T1 (trưởng thôn), bà Nguyễn Thị H4, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn H2, ông H3 thuê sử dụng đất này cho đến nay chứ không bỏ hoang đất.

Năm 2020, bà T về kiểm tra lại thửa đất thì mới biết UBND xã A đã phá nhà văn hóa cũ, xây dựng hội trường đa năng xã A và lấn sang phần đất của gia đình bà T hơn 200m², phần diện tích đất còn lại hơn 200m² cũng bị san ủi để làm đường đi. Tất cả mọi việc UBND xã đều tự làm mà không hề hỏi ý kiến của người dân, không mời người dân lên làm việc, những người thuê đất lại của gia đình bà T cũng không nói cho bà T biết.

Cả gia đình bà T đều là người tham gia cách mạng, cả một đời người hoạt động, cống hiến để bảo vệ đất nước. Lúc nhà nước cần đất để xây dựng công trình chung, vì lợi ích cộng đồng gia đình bà nghiêm chỉnh chấp hành, nhưng UBND huyện T và UBND xã A (nay là UBND xã T) lấn đất là lấy đất của gia đình bà T mà không báo cho bà T, cũng không thực hiện đền bù cho bà T theo quy định, việc này đã xâm hại trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Huỷ văn bản số 420/UBND ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện T (nay là Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk) về việc trả lời nội dung đơn của bà Nguyễn Thị T;

- Tuyên bố hành vi của UBND huyện T (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk) tự ý lấy đất của bà T để làm nhà văn hóa và đường đi là trái pháp luật;

- Buộc Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của UBND huyện T, tỉnh Phú Yên) công nhận diện tích 488,8m² đất thuộc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 20 (tờ bản đồ địa chính đo đạc năm 1997) tọa lạc tại thôn P, xã A, huyện T (nay là thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk) là của bà Nguyễn Thị T. Trường hợp thu hồi đất thì phải thực hiện đúng trình tự thu hồi đất và phải bồi thường cho bà T theo đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện trình bày:

Theo Mảnh đo đạc hiện trạng khu đất thuộc thôn P, tờ số 20, tỷ lệ 1/2000 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đo đạc và cung cấp ngày

25/8/2022: Diện tích 488,8m², trong đó: Diện tích liền kề nương nước 233,6m² đang trồng cỏ sữa, diện tích 255,2m² là đường đi hiện trạng (đường đất phía sau nhà Văn hóa xã): Vị trí khu đất: Phía Đông giáp Nương thoát nước; phía Tây giáp tường rào sau nhà Văn hóa, nhà truyền thống; phía Nam giáp đường đi, phía Bắc giáp đất trống UBND xã A quản lý nối với đường đi.

Hiện trạng: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu giải quyết diện tích đất 488,8m² gồm: Phần diện tích dọc theo tường rào sau Nhà văn hóa, Nhà truyền thống của UBND xã A diện tích 255,2m² và phần diện tích 233,6m² liền kề giữa đường đi với nương thoát nước bà T cho thuê đang trồng cỏ sữa và chuối.

Về hồ sơ địa chính: Theo bản đồ đo đạc năm 1993: Phần diện tích 488,8m² bà T yêu cầu giải quyết thể hiện đường đi do UBND xã quản lý, thuộc tờ bản đồ số 20 và một phần diện tích nằm phía Đông thửa đất số 664, diện tích 3.478m², loại đất: Đất xây dựng, chủ sử dụng: Hội trường UBND xã.

Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997: Là thửa đất số 114, tờ bản đồ số 20, diện tích 432m², loại đất: Hg (đất chưa sử dụng), chủ sử dụng đất thể hiện trong sổ mục kê: Đất chưa sử dụng (UBND xã quản lý).

Theo bản đồ đo đạc năm 2012: Không đo đạc thể hiện thửa đất trên bản đồ, chỉ thể hiện thửa đất số 200, tờ bản đồ số 20, loại đất: Đất văn hóa.

Kết quả xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Nguồn gốc đất trước năm 1975 là đất của ông Nguyễn P2 (cha ruột bà T) sử dụng. Đến năm 1979, tất cả ruộng đất đưa vào HTX nông nghiệp xã A quản lý, trong đó có đất của cha mẹ bà T để thực hiện cân đối cho xã viên có đất sản xuất. Khi thực hiện giao đất theo Nghị định 64/CP năm 1995, hộ gia đình bà T được cân đối giao đất đủ định mức và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Năm 1979, UBND xã sử dụng phần diện tích này xây dựng chợ xã A. Năm 1987, UBND xã phối hợp với HTXNN xã A bàn xây dựng nhà hát, nguồn kinh phí xây dựng: UBND xã góp 20%, HTXNN xã A 80%, xây dựng hoàn thành vào cuối năm 1988. Trong quá trình san ủi mặt bằng xây dựng sân khấu, tường rào xung quanh nhà hát, UBND xã A có chừa trống bốn phía làm chỗ đậu xe phục vụ cho Đoàn hát và để người dân đi vào chợ, là đất sử dụng vào mục đích đất công cộng. Thời gian này gia đình bà T không có ý kiến gì liên quan đến thửa đất nêu trên.

Năm 1983, hiện trạng phía Đông thửa đất, phần diện tích tiếp giáp nương nước đã có cây Bông Giò do gia đình bà T trồng dọc theo bờ nương nước, cách mép nương từ 1-2m.

Năm 2014, gia đình bà T cho bà Nguyễn Thị Thu H4 thuê để có lối đi và

phát dọn cây cối trồng cỏ, thời gian thuê là 02 năm (2014 – 2016). Sau năm 2016 bà Nguyễn Thị Thu H4 không sử dụng, gia đình bà T tiếp tục cho vợ chồng bà Trần Thị H5 thuê để sử dụng.

Năm 2015, UBND xã A tiến hành tháo dỡ nhà văn hóa cũ. Năm 2017, UBND xã thực hiện chủ trương mở rộng tuyến đường nối từ UBND xã A đến đường Đ và tuyến đường bao quanh Hội trường đa năng xã và Công viên trung tâm xã. Thời điểm UBND xã xây dựng không có hộ gia đình, cá nhân nào kể cả gia đình bà Nguyễn Thị T đến tranh chấp, khiếu nại.

Căn cứ kết quả kiểm tra thực địa, xác minh nguồn gốc thửa đất, quá trình sử dụng đất và hồ sơ địa chính lưu trữ tại UBND xã A, xác định phần diện tích đất 488,8m² là đất công cộng do UBND xã A quản lý. Việc bà Nguyễn Thị T đề nghị giải quyết cấp phần đất còn lại cho gia đình bà hoặc hoán đổi cho gia đình bà một vị trí đất trên địa bàn thôn P, xã A tương ứng để bà làm nhà ở thờ cúng cha mẹ là không đúng.

Do đó, UBND huyện T ban hành Công văn số 420/UBND ngày 07/02/2024 về việc trả lời nội dung đơn của bà Nguyễn Thị T là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị P1, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị C trình bày:

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là do cha mẹ là ông Nguyễn P2 và bà Văn Thị L mua của ông Ngô Lục V diện tích 2.000m² vào năm 1942, vị trí thửa đất hiện nay ở thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Từ lúc mua đất thì gia đình ông (bà) sử dụng để trồng trọt và có khai hoang mở rộng thêm. Năm 1974 cha của ông (bà) lên chiến khu tham gia cách mạng rồi hy sinh. Năm 1987 Nhà nước xin cho xây nhà văn hóa trên thửa đất của gia đình ông (bà) nên gia đình đã hiến một phần đất này, diện tích còn lại khoảng 432m² gia đình vẫn sử dụng cho đến nay.

Năm 1991 mẹ ông (bà) chết, tất cả các anh chị em trong gia đình đã thống nhất giao lại thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị T toàn quyền quản lý, sử dụng. Do đó, thửa đất nói trên nay đã thuộc toàn quyền sử dụng, định đoạt của bà Nguyễn Thị T, các ông bà không liên quan gì nữa. Việc UBND huyện T tự ý lấy đất của bà Nguyễn Thị T mà không bồi thường là không đúng. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người làm chứng bà Đỗ Thị H6 trình bày: Trước năm 1990 ông có làm thuê cho bà Nguyễn Thị T đào khoai hạ sau lưng sân khấu xã A, sát nương

nước. Ông xin cam đoan những nội dung trên là hoàn toàn đúng sự thật, và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của mình.

Người làm chứng ông Lâm Thái S trình bày: Cha mẹ của bà T để lại một khoảnh đất tại thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Khoảng năm 1980 Nhà nước đã lấy một phần để làm sân khấu lộ thiên, còn bờ ranh của thửa đất thì bà T trồng khoai hạ, khoai lang. Sau đó em ruột bà T là Nguyễn Văn H cho ông Hoàng M khoảng 02 - 03 năm trồng cỏ để nuôi bò, sau đó ông H lấy lại trồng cỏ cho bò ăn. Sau đó ông H cho bà H4, rồi cho bà H5 mượn trồng cỏ nhưng ông S không nhớ thời gian cụ thể, không biết việc cho mượn bao nhiêu tiền. Sau đó bà T tiếp tục làm cỏ trên phần đất này. Trên đám đất này ông H (em bà T) có trồng 01 hàng cây bạch đàn sát bờ tường sân khấu Lộ thiên và trồng hàng cây chuối sát bờ nương. Đến năm 2017 nhà nước lấy phần đất này làm đường đi.

Người làm chứng ông Đặng S1 trình bày: Theo ông sau giải phóng thì đất đai đưa vào hợp tác xã hết, còn thửa đất bà T đang khởi kiện là đám đất gia tăng. Trước năm 1995 bà T thuê ông cày khoảnh đất sát bờ nương, sân khấu lộ thiên (nay đã tháo dỡ), cuốc vun vòng để trồng khoai lang và 01 lần cày thu hoạch bông giờ. Vạt đất ông cày rộng khoảng 08 mét sau này bà T có mở rộng đất về phía bờ nương hay không thì ông không biết. Sau này bà T cho mượn hay trồng trọt gì trên đất thì ông không biết. Trước đây có một người đàn ông do bà T dẫn đến nhà ông hỏi và nói ông làm chứng cho bà T về việc cày đám đất nêu trên ông có viết và ký vào tờ giấy này. Việc ông viết tờ giấy để làm chứng cho bà T là hoàn toàn tự nguyện, có sao nói vậy, không bị ép buộc.

Người làm chứng ông Đỗ Văn T1 trình bày: Về nguồn gốc đất tại thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên là đất do bà T, ông H (em của bà T) khai hoang vào khoảng năm 1977. Đến năm 1979 ông T1 thuê đất của bà T để dân cây chuối nước cho bén rễ sau đó mang cây chuối nước trồng ở nơi khác; diện tích đất thuê khoảng 400m² có tứ cận: giáp chợ, giáp đường đi, giáp sân khấu của xã A và giáp nương (ông không biết rõ hướng). Thời gian ông thuê đất là 02 năm (năm 1979, năm 1980), tiền thuê 50.000 đồng/năm. Sau đó bà T cho ai thuê đất tiếp theo thì ông không biết.

Giấy xác nhận làm chứng ngày 19/5/2024 là do ông Đỗ Văn T1 nói lại nội dung cho bà T đi đánh máy. Nội dung ông T1 nói cho bà T nghe để đi đánh máy là ông hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc, sau đó bà T đưa tờ giấy đánh máy về đọc lại nội dung cho ông nghe, thấy đúng nội dung ông (T1) đã nói nên ông ký và lấn tay vào tờ giấy này. Tờ Giấy xác nhận làm chứng Tòa án đưa cho ông (Đỗ Văn T1) xem là đúng chữ ký và dấu lấn tay của ông.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 117/2025/HCST ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với các yêu cầu:

- Huỷ văn bản số 420/UBND ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện T (nay là Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk) về việc trả lời nội dung đơn của bà Nguyễn Thị T;

- Tuyên bố hành vi của UBND huyện T (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk) tự ý lấy đất của bà T để làm nhà văn hóa và đường đi là trái pháp luật;

- Buộc Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của UBND huyện T, tỉnh Phú Yên) công nhận diện tích 488,8m² đất thuộc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 20 (tờ bản đồ địa chính đo đạc năm 1997) tọa lạc tại thôn P, xã A, huyện T (nay là thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk) là của bà Nguyễn Thị T. Trường hợp thu hồi đất thì phải thực hiện đúng trình tự thu hồi đất và phải bồi thường cho bà T theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc hiện trạng và tuyên quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 18/8/2025, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị T có đơn kháng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà với lý do Tòa án sơ thẩm xử không phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ, bác yêu cầu khởi kiện của bà là gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định tố tụng;

Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Mặc dù bà T cho rằng đất có nguồn gốc của cha mẹ để lại, tuy nhiên tài liệu hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cho thấy: từ năm 1979, toàn bộ diện tích đất này đã được đưa vào Hợp tác xã nông nghiệp quản lý. Đến năm 1987, chính quyền địa phương đã xây dựng nhà văn hóa, nhà hát và các công trình công cộng trên đất. Suốt quá trình Nhà nước xây dựng và sử dụng các công trình này (hơn 40 năm), gia đình bà T không có ý kiến phản đối hay tranh chấp. Như vậy, thực tế quyền sử dụng đất đã được xác lập cho Nhà nước theo quy định pháp luật qua từng thời kỳ.

[2.2] Về tính pháp lý của các tài liệu địa chính:

HĐXX đối chiếu các bản đồ địa chính năm 1993, 1997 và 2012 đều thể hiện diện tích đất tranh chấp nằm trong quỹ đất công ích, do UBND xã quản lý. Tại thời điểm thực hiện Nghị định 64-CP, gia đình bà T cũng không đăng ký kê khai diện tích này vào sổ địa chính của hộ gia đình. Điều này chứng tỏ gia đình bà T đã mặc nhiên thừa nhận quyền quản lý của Nhà nước đối với diện tích đất trên.

[2.3]. Về tính ổn định, liên tục trong sử dụng đất:

Căn cứ Điều 100, 101 Luật Đất đai 2013 (nay là Điều 137, 138 Luật Đất đai 2024), điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất là phải sử dụng ổn định, liên tục. Trong vụ án này, bà T không chứng minh được việc sử dụng đất từ năm 1979 đến nay. Ngược lại, hiện trạng đất hiện đang là đường đi và công trình văn hóa phục vụ lợi ích cộng đồng. Việc bà T yêu cầu đòi lại đất sau khi công trình công cộng đã tồn tại ổn định hàng thập kỷ là không có căn cứ.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện, khách quan các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự. Kháng cáo của bà T không cung cấp được tình tiết mới hay tài liệu chứng cứ nào có giá trị thay đổi bản chất vụ án. Do vậy, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

[5] Về án phí phúc thẩm: bà Nguyễn Thị T thuộc trường hợp người có công với cách mạng nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 117/2025/HCST ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: bà Nguyễn Thị T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VCT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Dung